



BẢNG TỔNG HỢP THÔNG TIN VỀ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ

Dự án nâng cấp mở rộng tuyến đường ĐT773 (Long Thành - Cẩm Mỹ - Xuân Lộc), huyện Xuân Lộc, Cẩm Mỹ, Long Thành, (nay là các xã: Xuân Hòa, Xuân Lộc, Xuân Phú, Xuân Đông, Cẩm Mỹ, Xuân Đường), đoạn qua địa bàn xã Cẩm Mỹ, thành phố Đồng Nai (Đợt 8)

(Kèm theo Quyết định số: 1927 /QĐ-UBND ngày 24 tháng 9 năm 2026 của UBND xã Cẩm Mỹ)

ST T	Họ và tên	Địa chỉ	Diện tích đất thu hồi (m2)	Diện tích đất bồi thường (m2)						Giá trị bồi thường, hỗ trợ về đất	Giá trị bồi thường, hỗ trợ nhà ở, vật kiến trúc	Giá trị bồi thường, hỗ trợ cây trồng	Giá trị về các chính sách hỗ trợ	Thưởng di dời	Tổng cộng giá trị bồi thường, hỗ trợ
				Nông nghiệp			Phi nông nghiệp								
				Tổng	Đất CLN	Đất HNK	Tổng	đất ở	Đất Cơ sở SXKD						
1	2	3	4	5	6	7	9	10	11	13	14	15	16	17	18
1	Ông Đào Văn Kiếm và bà Lê Thị Hiệp	ấp Long Giao, xã Cẩm Mỹ, thành phố Đồng Nai	6.607,1	6.607,1	6.607,1	-	-	-		5.575.907.316	140.950.796	298.338.938	7.030.164.600	20.000.000	13.065.361.650
2	Ông Giềng Vây Năm	ấp Bảo Bình 1, xã Cẩm Mỹ, thành phố Đồng Nai	1.334,4	1.334,4	1.334,4	-	-	-		860.688.000	26.952.424	44.210.786	1.001.655.000	20.000.000	1.953.506.210
3	Bà Đinh Thị Hồng Nhận	Ấp Bảo Bình 1, xã Cẩm Mỹ, thành phố Đồng Nai	2.284,5	2.284,5	2.284,5	-	-	-		1.473.502.500	803.272.512	83.178.476	3.420.000	20.000.000	2.383.373.488
4	Bà Nguyễn Thị Lan	Ấp Bảo Bình 1, xã Cẩm Mỹ, thành phố Đồng Nai	3.123,3	3.023,3	3.023,3	-	100,0	100,0		840.171.080	42.170.400	334.665.009	6.840.000	20.000.000	1.243.846.489
5	Ông Lương Vinh Chánh; bà Lương Ngọc Yến và bà Lương Ngọc Liên	xã Cẩm Mỹ, thành phố Đồng Nai.	3.652,2	3.652,2	3.652,2	-	-	-		848.040.840	37.283.405	443.087.136	10.260.000	20.000.000	1.358.671.381

ST T	Họ và tên	Địa chỉ	Diện tích đất thu hồi (m2)	Diện tích đất bồi thường (m2)						Giá trị bồi thường, hỗ trợ về đất	Giá trị bồi thường, hỗ trợ nhà ở, vật kiến trúc	Giá trị bồi thường, hỗ trợ cây trồng	Giá trị về các chính sách hỗ trợ	Thưởng di dời	Tổng cộng giá trị bồi thường, hỗ trợ
				Nông nghiệp			Phi nông nghiệp								
				Tổng	Đất CLN	Đất HNK	Tổng	đất ở	Đất Cơ sở SXKD						
1	2	3	4	5	6	7	9	10	11	13	14	15	16	17	18
6	Ông Nguyễn Văn Trỗi và bà Trần Quỳnh Như	Ấp Long Giao, xã Cẩm Mỹ, thành phố Đồng Nai	854,9	854,9	854,9	-	-	-		265.523.391	-	24.093.331		16.000.000	305.616.722
7	Ông Đỗ Văn Xây và bà Nguyễn Thị Ánh (Vắng chủ)	Ấp Bảo Bình 1, xã Cẩm Mỹ, thành phố Đồng Nai	13,4	13,4	13,4	-	-	-		8.643.000	-	-	855.000	2.000.000	11.498.000
8	Ông Đỗ Văn Hoàn	27, Quách Văn Tuấn, phường Bảy Hiền, Thành phố Hồ Chí Minh	49,7	49,7	49,7	-	-	-		32.056.500	303.245.050	-	855.000	16.000.000	352.156.550
9	Ông Nguyễn Hùng Chuyển và bà Phan Thị Nội	ấp 1, xã Xuân Đông, thành phố Đồng Nai	227,2	227,2	227,2	-	-	-		70.566.048	-	9.768.117	1.710.000	8.000.000	90.044.165
10	Ông Nguyễn Văn Việt và bà Bùi Thị Út Mười Nhỏ	Ấp Xuân Mỹ 1, xã Cẩm Mỹ, thành phố Đồng Nai	274,1	274,1	274,1	-	-	-		85.132.719	-	1.363.017	109.020.150	12.000.000	207.515.886
11	Bà Hỷ Tắc Phong	ấp Bảo Bình 1, xã Cẩm Mỹ, thành phố Đồng Nai	5.853,1	5.853,1	5.853,1	-	-	-		3.775.249.500	502.553.449	174.527.075	4.393.245.000	20.000.000	8.865.575.024

ST T	Họ và tên	Địa chỉ	Diện tích đất thu hồi (m2)	Diện tích đất bồi thường (m2)						Giá trị bồi thường, hỗ trợ về đất	Giá trị bồi thường, hỗ trợ nhà ở, vật kiến trúc	Giá trị bồi thường, hỗ trợ cây trồng	Giá trị về các chính sách hỗ trợ	Thưởng di dời	Tổng cộng giá trị bồi thường, hỗ trợ
				Nông nghiệp			Phi nông nghiệp								
				Tổng	Đất CLN	Đất HNK	Tổng	đất ở	Đất Cơ sở SXKD						
1	2	3	4	5	6	7	9	10	11	13	14	15	16	17	18
12	Ông Trần Văn Dũng và bà Nguyễn Thị Quyền	Ấp Long Giao, xã Cẩm Mỹ, thành phố Đồng Nai	1.503,4	1.503,4	1.503,4	-	-	-		357.809.200	-	279.097.035	452.730.000	20.000.000	1.109.636.235
13	Bà Nguyễn Thị Thúy	Ấp Nhân Nghĩa, xã Cẩm Mỹ, thành phố Đồng Nai	163,2	163,2		-	-	-		106.488.000	-	12.956.443	111.015.000	16.000.000	246.459.443
					163,2										
14	Ông Lê Hải Dương và ông Nguyễn Thanh Hùng	D10, Khu dân cư số 2, phường Long Bình, thành phố Biên Hoà	1.783,0	1.783,0	1.783,0	-	-	-		553.781.970	-	-	1.710.000	20.000.000	575.491.970
15	Ông Nguyễn Trung Kiên (vắng chủ)	59 ngõ 230 đường Ý La, phường Dương Kinh, thành phố Hà Nội	188,0	188,0		188,0	-	-		64.878.800	14.468.000	1.771.446	855.000	8.000.000	89.973.246
16	Ông Ngô Xuân An	Ấp Phước Hải, xã Long Thành, thành phố Đồng Nai	511,5	511,5	-	511,5	-	-		158.866.785	-	15.766.686	855.000	12.000.000	187.488.471
17	Ông Trần Tri Huy và bà Vòng Cầm Thông đại diện (Bà Vòng Sám Múi đã chết)	ấp Bảo Bình 1, xã Cẩm Mỹ, thành phố Đồng Nai	3.494,6	3.494,6	3.494,6	-	-	-		802.639.728	-	114.405.279	-	20.000.000	937.045.007

ST T	Họ và tên	Địa chỉ	Diện tích đất thu hồi (m2)	Diện tích đất bồi thường (m2)						Giá trị bồi thường, hỗ trợ về đất	Giá trị bồi thường, hỗ trợ nhà ở, vật kiến trúc	Giá trị bồi thường, hỗ trợ cây trồng	Giá trị về các chính sách hỗ trợ	Thưởng di dời	Tổng cộng giá trị bồi thường, hỗ trợ
				Nông nghiệp			Phi nông nghiệp								
				Tổng	Đất CLN	Đất HNK	Tổng	đất ở	Đất Cơ sở SXKD						
1	2	3	4	5	6	7	9	10	11	13	14	15	16	17	18
18	Công ty TNHH Linh Trang Phát	6M, KP4, Phường Tân Triều, thành phố Đồng Nai	495,7	495,7	-	495,7	-	-		117.976.600		19.127.869	-	12.000.000	149.104.469
19	Ông Phạm Thành Ngân	Ấp Bảo Bình 1, xã Cẩm Mỹ, thành phố Đồng Nai	3,0	3,0	3,0	-	-	-		774.000	-	-	855.000	2.000.000	3.629.000
20	Ông Nguyễn Văn Ba	Ấp Bảo Bình 1, xã Cẩm Mỹ, thành phố Đồng Nai	11,2	-	-	-	11,2	11,2		38.729.600	271.802.186	-	-	16.000.000	326.531.786
21	Bà Huỳnh Ngọc Mùi	ấp Bảo Bình 1, xã Cẩm Mỹ, thành phố Đồng Nai	2.816,8	2.602,2	2.602,2	-	214,6	214,6		2.096.030.600	-	-	-	-	2.096.030.600
22	Bà Nguyễn Thị Hạnh (tài sản xây trên đất của bà Huỳnh Ngọc Mùi)	xã Xuân Định, thành phố Đồng Nai	-	-	-	-	-	-		-	6.438.080	1.298.112	-	-	7.736.192
23	Bà Hà Thị Cẩm Vy (tài sản xây trên đất của bà Huỳnh Ngọc Mùi)	ấp Bảo Bình 1, xã Cẩm Mỹ, thành phố Đồng Nai	-	-	-	-	-	-		-	170.096.240	58.011.182	-	-	228.107.422

ST T	Họ và tên	Địa chỉ	Diện tích đất thu hồi (m2)	Diện tích đất bồi thường (m2)						Giá trị bồi thường, hỗ trợ về đất	Giá trị bồi thường, hỗ trợ nhà ở, vật kiến trúc	Giá trị bồi thường, hỗ trợ cây trồng	Giá trị về các chính sách hỗ trợ	Thưởng di dời	Tổng cộng giá trị bồi thường, hỗ trợ
				Nông nghiệp			Phi nông nghiệp								
				Tổng	Đất CLN	Đất HNK	Tổng	đất ở	Đất Cơ sở SXKD						
1	2	3	4	5	6	7	9	10	11	13	14	15	16	17	18
24	Bà Trương Thị Giàu (tài sản xây trên đất của bà Huỳnh Ngọc Mùi)	xã Xuân Định, thành phố Đồng Nai	-	-	-	-	-	-	-	-	26.501.760	3.017.141	-	-	29.518.901
25	Ông Nguyễn Văn Hải (tài sản xây trên đất của bà Huỳnh Ngọc Mùi)	ấp Bảo Bình 1, xã Cẩm Mỹ, thành phố Đồng Nai	-	-	-	-	-	-	-	-	385.945.102	1.901.000	-	-	387.846.102
26	Ông Võ Văn Thành (tài sản xây trên đất của bà Huỳnh Ngọc Mùi)	Ấp Bảo Bình 1, xã Cẩm Mỹ, thành phố Đồng Nai	-	-	-	-	-	-	-	-	17.937.800	88.358.539	-	-	106.296.339
27	Ông Trần Văn Thạo và bà Nguyễn Thị Kim Yến	ấp Long Giao, xã Cẩm Mỹ, thành phố Đồng Nai	1.886,8	1.886,8	1.886,8	-	-	-	-	586.021.212	557.150.490	93.276.168	740.392.200	20.000.000	1.996.840.070
28	Hộ ông Lâm Văn Đại và bà Nguyễn Thị Xa Lan	ấp Bảo Bình 1, xã Cẩm Mỹ, thành phố Đồng Nai	73,7	-	-	-	73,7	73,7	-	280.340.060	-	-	-	-	280.340.060
29	Ông Châu Chín (Tài sản trên đất của ông Lâm Văn Đại)	ấp Bảo Bình 1, xã Cẩm Mỹ, thành phố Đồng Nai	-	-	-	-	-	-	-	-	646.971.020	-	-	-	646.971.020
Cộng (I+II):			37.204,8	36.805,3	35.610,1	1.195,2	399,5	399,5	-	18.999.817.449	3.953.738.714	2.102.218.785	13.866.436.950	320.000.000	39.242.211.898

ST T	Họ và tên	Địa chỉ	Diện tích đất thu hồi (m2)	Diện tích đất bồi thường (m2)						Giá trị bồi thường, hỗ trợ về đất	Giá trị bồi thường, hỗ trợ nhà ở, vật kiến trúc	Giá trị bồi thường, hỗ trợ cây trồng	Giá trị về các chính sách hỗ trợ	Thưởng di dời	Tổng cộng giá trị bồi thường, hỗ trợ
				Nông nghiệp			Phi nông nghiệp								
				Tổng	Đất CLN	Đất HNK	Tổng	đất ở	Đất Cơ sở SXKD						
1	2	3	4	5	6	7	9	10	11	13	14	15	16	17	18
1. Tiền bồi thường, hỗ trợ															38.922.211.898
2. Thưởng di dời															320.000.000
3. Tiền bồi thường, hỗ trợ, thưởng di dời: 1+2															39.242.211.898
4. Chi phí tổ chức thực hiện công tác bồi thường: 1 x 3,5%															1.362.277.416
4.1. Chi phí cho Trung tâm Phát triển quỹ đất Chi nhánh Xuân Lộc: 4 x 85%															1.157.935.804
4.2. Chi phí cho UBND xã Cẩm Mỹ: 4 x 15%															204.341.612
Tổng cộng (3+4):															40.604.489.314